TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 05 – 7 - 2023
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Thanh Hải
2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thu Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa.*

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 41/2023/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: **Chị Hoàng Thị Thu H**, sinh năm 2002;
(Có mặt tại phiên tòa)
2. **Bị đơn**: **Anh Dương Tiến T**, sinh năm 2000;

Đều trú tại: xóm BB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Nguyên đơn - **Chị Hoàng Thị Thu H** trình bày:

Chị và anh Dương Tiến T kết hôn năm 2020 do hai bên tự nguyện tìm hiểu được cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại xóm BB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trong thời gian chung sống cùng gia đình chồng, do tuổi đời còn trẻ cùng với cách đối nhân xử thế với gia đình chồng còn thiếu kinh nghiệm sống nên vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, luôn cãi vã nhau khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn luôn căng thẳng. Khoảng tháng 3/2023 vợ chồng cãi nhau gay gắt do va chạm với nhau trong sinh hoạt gia đình cùng với bất đồng về cách nuôi dạy

con nên chị và anh T xảy ra to tiếng, anh T giữ con và đuổi chị ra khỏi nhà, chị đã phải trở về nhà bố mẹ đẻ tại xóm HK2, xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Từ đó vợ chồng sống ly thân nhau, cả hai không quan tâm gì đến nhau. Vì không được đón con nên chị có mua đồ ăn, thức uống gửi cho con nhưng anh T mang trả lại, không cho chị đón và thăm nom con. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Dương Văn T, sinh ngày 24/ 3/ 2021. Hiện tại con đang ở với anh T và ông bà nội. Khi ly hôn nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị tự nguyện nhận nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa , anh T vắng mặt, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án

Bị đơn – Anh Dương Tiến T trình bày:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Anh và chị Hoàng Thị Thu H đăng ký kết hôn ngày 26/11/2020 tại UBND xã VH huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh tại xóm BB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ tháng 10/2022 chị H đòi bán hàng tại nhà bên ngoại, anh không đồng ý nên từ đó vợ chồng luôn cãi nhau, đến tháng 3/2023 chị H và anh xảy ra mâu thuẫn căng thẳng nên chị H bỏ về nhà ngoại ở, từ đó vợ chồng sống ly thân, cả hai không quan tâm gì đến nhau. Anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị H nên anh không nhất trí ly hôn, anh xin có thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- ***Về con chung:*** Anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Dương Văn T, sinh ngày 24/ 3/ 2021. Hiện tại con đang ở với anh và ông bà nội. Trường hợp chị H kiên quyết ly hôn anh thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

- ***Về tài sản chung, công nợ chung:*** Không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí:*** Anh nhất trí chị H tự nguyện nhận nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị H và anh T đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị H kiên quyết ly hôn anh T vì chị H xác định vợ

chồng đã sống ly thân từ đầu năm đến nay, mâu thuẫn giữa chị với anh T và gia đình anh T rất căng thẳng, chị đã ra khỏi nhà anh T rồi thì chị cũng không trở về nữa. Tòa án tiếp tục mở phiên hòa giải lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy Tòa án mở phiên tòa, đưa vụ án ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 điều 28; chị H và anh T đều cư trú tại xóm BB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh T theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân. Tại phiên tòa lần thứ hai anh Dương Tiến T vẫn vắng mặt không có lý do là không có ý thức chấp hành pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn - anh Dương Tiến T theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Thu H và anh Dương Tiến T kết hôn năm 2020 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H, anh T chung sống hòa T, hạnh phúc cùng gia đình bố mẹ anh T tại xóm BB, xã HT, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, từ tháng 10 năm 2022 do bất đồng quan điểm sống, tháng 3 năm 2023 vợ chồng sống ly thân, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cả hai bên đều không quan tâm gì đến đến nhau. Nay chị H khởi kiện ra Tòa án xin ly hôn anh T. Theo anh T trình bày: Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vì lý do chị H đòi về nhà bố mẹ đẻ bán hàng, anh T không đồng ý nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, chị H và anh T đều xác định vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2022 đến nay.

HĐXX xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 3/2022, hiện nay hai bên không cùng sống chung một nhà mà sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì nhau, cả hai bên đều không có biện pháp gì để

hàn gắn mối quan hệ tình cảm vợ chồng mà cứ để mặc cho tình trạng vợ chồng sống ly thân như vậy. Trong trường hợp này, chị H và anh T đều vi phạm nghĩa vụ, tình nghĩa vợ chồng, chị H kiên quyết ly hôn anh T nên xác định tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Nội dung điều luật quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa T khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".

HĐXX căn cứ Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn anh Dương Tiến T là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[2] Về con chung: Chị H và anh T xác định vợ chồng có 01 con chung là Dương Văn T, sinh ngày 24/ 3/ 2021.

Tại phiên tòa, chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Anh T vắng mặt, tuy nhiên quan điểm của anh cũng xin được nuôi con chung là Dương Văn T, sinh ngày 24/ 3/ 2021 vì hiện con đang ở cùng anh.

Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị H và anh T đều có quyền ngang nhau, nhưng hiện con còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ, vả lại do mâu thuẫn vợ chồng nên quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đã bị tách rời giữa mẹ và con vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con sau khi cha mẹ ly hôn cần giao con Dương Văn T, sinh ngày 24/ 3/ 2021 cho chị Hoàng Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không giải quyết, khi đương sự có yêu cầu giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Nguyên đơn - Hoàng Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0003760 ngày 10/4/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng : Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị Thu H đối với anh Dương Tiến T, cho chị Hoàng Thị Thu H được ly hôn Dương Tiến T. Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Thu H và anh Dương Tiến T chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Dương Văn T, sinh ngày 24/ 3/ 2021 cho chị Hoàng Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên đương sự có sự thay đổi khác.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị H không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con.

* *Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh Dương Tiến T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con chung;

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Án phí: chị Hoàng Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số **0003760 ngày 10/4/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H, vắng mặt anh T. Báo cho chị H biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương và trụ sở Tòa án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND nơi ĐKKH năm 2020, xã VH, huyện Đ, tỉnh TN;
- Đương sự;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái